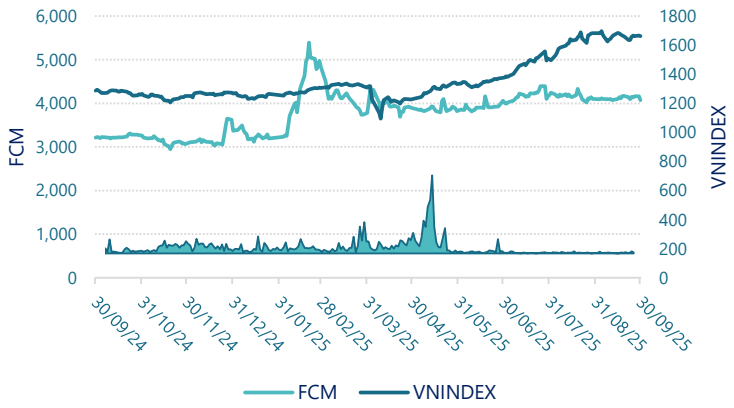
FireAnt

CTCP Bê tông Phan Vũ Hà Nam (HSX: FCM)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**4,070**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	5,390
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	2,946
SL cổ phiếu LH	46,226,626
KLGD BQ 20 phiên (CP)	97,645
% sở hữu nước ngoài	3.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	188
P/E	9.9
EPS	410

DT thuần

Q3/25

93.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▼22.9| -19.7%

YoY: ▼9.90| -9.6%

LN sau thuế

Q3/25

3.60

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.76| -17.3%

YoY: ▼0.76| -17.3%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

4.8%

+/- YoY: ▲ 0.6%

DT thuần

9T 2025

321

tỷ VNĐ

YoY: ▼27.0| -7.5%

LN sau thuế

9T 2025

12.4

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 18.0| 322%

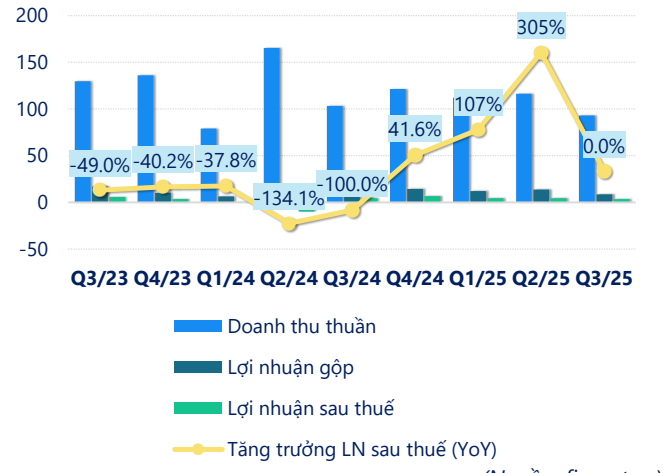
ROE

Q3/25

3.5%

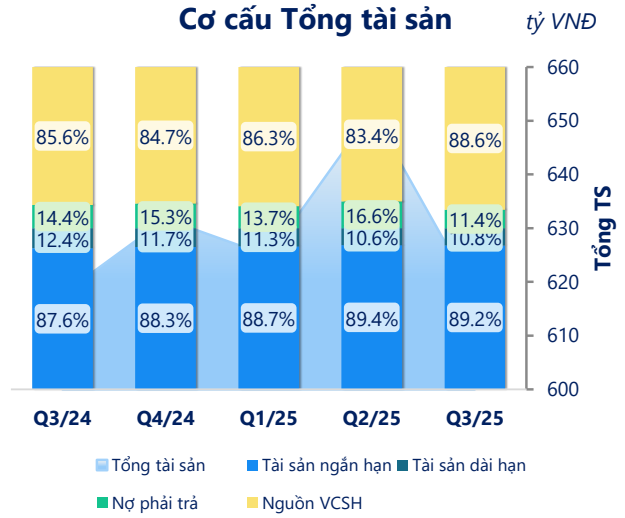
+/- YoY: ▲ 3.7%

Kết quả kinh doanh



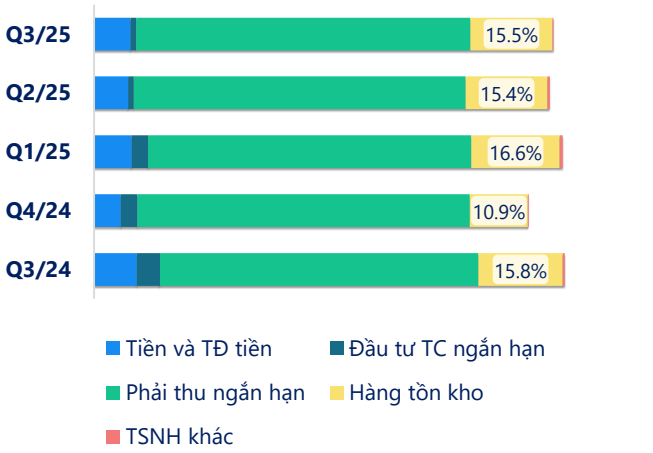
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



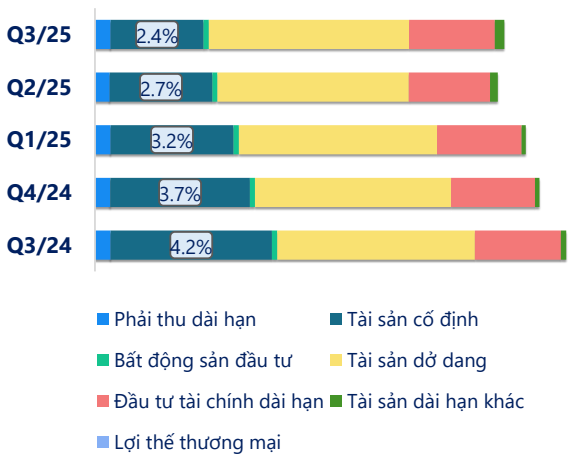
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



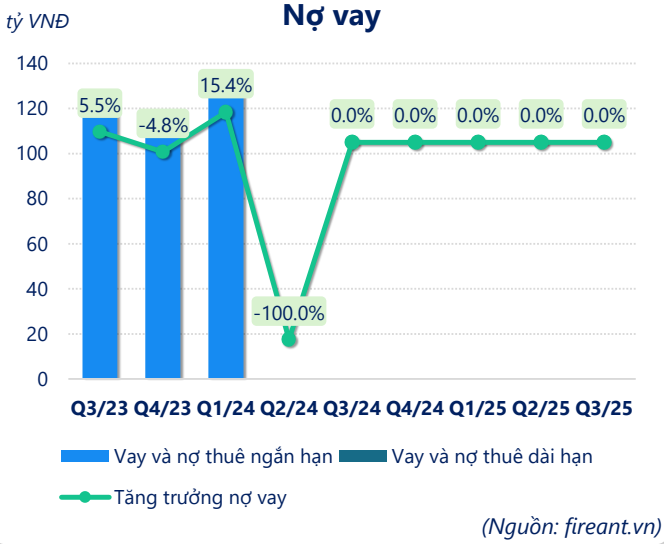
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



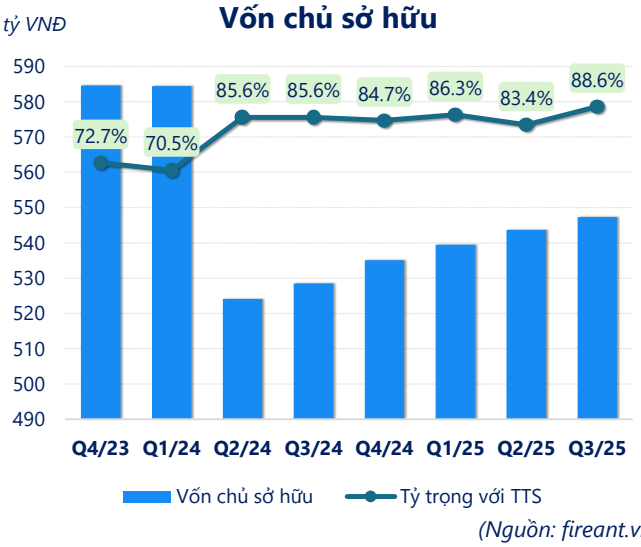
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



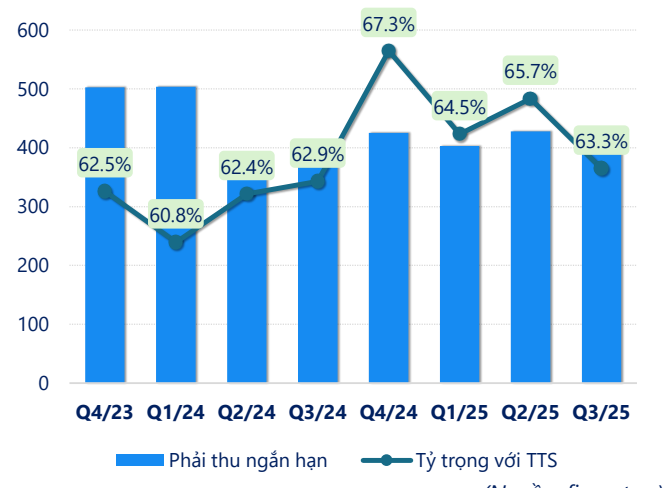
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



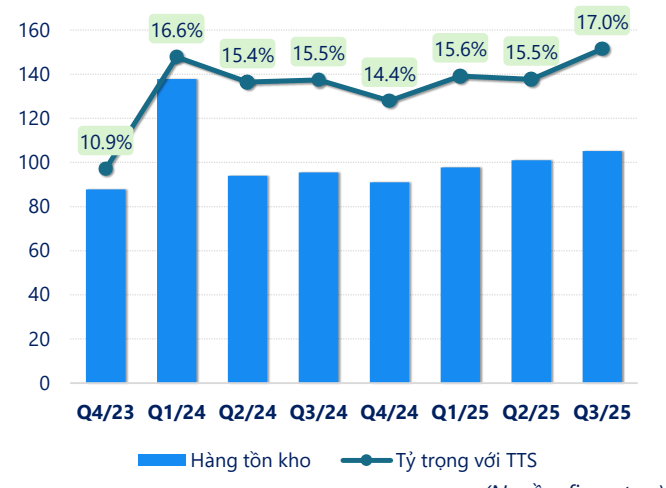
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



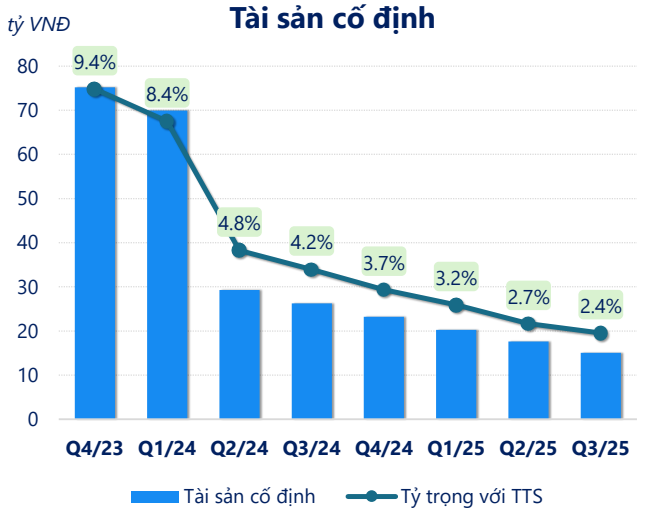
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



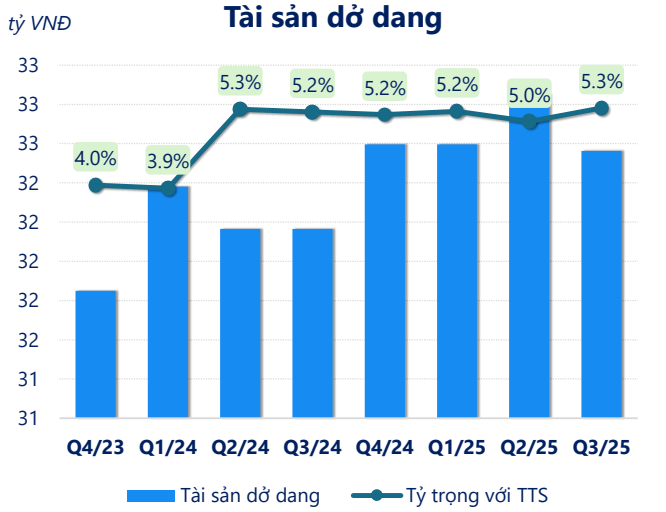
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



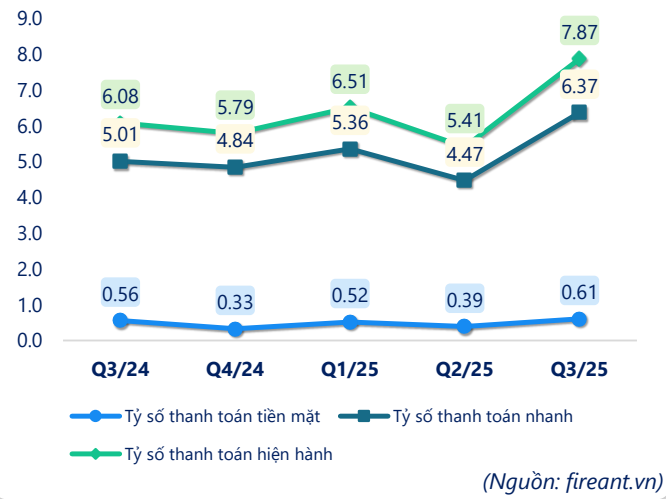
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



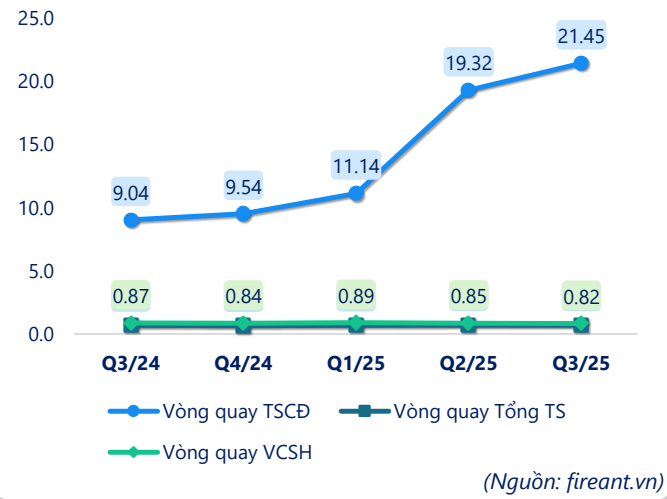
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**618**	**632**	**625**	**652**	**618**
Tài sản ngắn hạn	**541**	**558**	**554**	**583**	**551**
Tiền và tương đương tiền	49.8	31.6	44.2	41.7	42.4
Đầu tư tài chính ngắn hạn	6.60	6.60	6.60	6.60	6.60
Phải thu ngắn hạn	388	425	403	428	391
Hàng tồn kho	95.5	91.0	97.8	101	105
Tài sản ngắn hạn khác	0.96	3.45	2.58	5.37	5.88
Tài sản dài hạn	**76.7**	**73.9**	**70.9**	**69.1**	**66.6**
Phải thu dài hạn	2.56	2.56	2.56	2.52	2.56
Tài sản cố định	26.2	23.2	20.2	17.6	15.1
Bất động sản đầu tư	0.86	0.86	0.86	0.86	0.86
Tài sản dở dang	32.2	32.6	32.6	32.8	32.6
Đầu tư tài chính dài hạn	14.0	14.0	14.0	14.0	14.0
Tài sản dài hạn khác	0.90	0.77	0.64	1.32	1.54
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**89.2**	**96.7**	**85.4**	**108**	**70.2**
Nợ ngắn hạn	**89.0**	**96.4**	**85.1**	**108**	**70.0**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	71.8	77.4	70.8	88.8	51.8
Nợ dài hạn	0.28	0.29	0.29	0.27	0.24
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**528**	**535**	**539**	**544**	**547**
Vốn chủ sở hữu	**528**	**535**	**539**	**544**	**547**
Vốn điều lệ	451	462	462	462	462
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)